

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

DƯƠNG THÀNH THÔNG

HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN
Ở SÀI GÒN – CHỢ LỚN (1861-1939)

Ngành: Lịch sử Việt Nam

Mã số: 9229013

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

Thành Phố Hồ Chí Minh - 2025

Công trình được hoàn thành tại: **Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM**

Người hướng dẫn khoa học: **1. TS. Lê Hữu Phước**
2. TS. Hồ Sơn Diệp

Phản biện độc lập 1:

Phản biện độc lập 2:

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp cơ sở đào tạo
hợp tại:.....

vào hồi ... giờ ngày ... tháng ... năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

1. Thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM
2. Thư viện Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
3. Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Từ nửa cuối thế kỷ XIX, hoạt động xuất bản tại Nam Kỳ – đặc biệt là ở trung tâm Sài Gòn - Chợ Lớn – đã trở thành lĩnh vực trọng yếu của đời sống văn hóa và chính trị “Lục tỉnh”. Sự ra đời của Gia Định báo – tờ báo quốc ngữ đầu tiên tại Đông Dương – cùng với việc du nhập văn minh châu Âu, kỹ thuật in ấn hiện đại và các luận thuyết tư tưởng mới đã thúc đẩy sự phát triển của các ấn phẩm quốc ngữ. Hoạt động xuất bản không chỉ mang tính kinh tế mà còn là “công cụ cai trị” lẫn “phương tiện tranh đấu”, nơi các nhà in, thư xã, tòa soạn tích cực tham gia vào đời sống chính trị - xã hội, phản ánh các trào lưu và ý thức hệ đa dạng. Sài Gòn - Chợ Lớn được xác định là trung tâm xuất bản, nơi tập trung các cơ sở sản xuất, đồng thời là nơi tiếp nhận, phản ứng nhanh nhất với các chính sách của chính quyền thực dân và trào lưu tư tưởng mới. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, sách báo và ấn phẩm tiếp tục là cầu nối tri thức và giá trị văn hóa, đòi hỏi những chính sách phát triển phù hợp, từ đó mở ra những bài học lịch sử quý giá cho xã hội hiện đại.

Vì những vấn đề trên đây, Nghiên cứu sinh nhận thấy đề tài “Hoạt động xuất bản ở Sài Gòn - Chợ Lớn (1861-1939)” là một chủ đề có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, phù hợp với chuyên ngành, điều kiện và định hướng nghiên cứu, nên đã lựa chọn làm đề tài luận án của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Luận án được thực hiện nhằm trình bày một cách có hệ thống và tương đối đầy đủ diện mạo hoạt động xuất bản ở Sài Gòn - Chợ Lớn và đặc điểm của hoạt động này trong thời Pháp thuộc; trên cơ sở đó đánh giá, làm rõ vai trò của hoạt động xuất bản trong bối cảnh đương thời. Nghiên cứu cũng mong muốn góp thêm cơ sở khoa học, tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu liên quan trong tương lai.

2.2. Nhiệm vụ

- Luận giải và làm rõ bối cảnh, sự ra đời cũng như những yếu tố tác động đến hoạt động xuất bản ở Sài Gòn - Chợ Lớn trong những năm 1861-1939;

- Trình bày hoạt động của các nhà in, nhà xuất bản, thư xã ở Sài Gòn - Chợ Lớn trong những năm 1861-1939 trên một số khía cạnh cụ thể: các yếu tố chi phối, sự phát triển của công nghệ in ấn; nghiên cứu các cá nhân, tổ chức xuất bản tiêu biểu; tìm hiểu các loại hình cũng như khái quát các nội dung ấn phẩm v.v....;

- Phân tích và luận giải đặc điểm và vai trò của hoạt động xuất bản ở Sài Gòn - Chợ Lớn trong đời sống xã hội thời Pháp thuộc.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng

Luận án nghiên cứu hoạt động xuất bản tại Sài Gòn - Chợ Lớn (1861–1939), tập trung vào in ấn bằng chữ Latin (Pháp ngữ và Quốc ngữ). Nghiên cứu khai thác sự chuyển đổi từ in thủ công sang in máy hiện đại, phân tích tác động của ấn phẩm phương Tây đến xã hội. Các khía cạnh cụ thể bao gồm bối cảnh lịch sử - xã hội, hệ thống cơ sở xuất bản, công nghệ in ấn, phân loại ấn phẩm và tác động xã hội, đặc biệt là ảnh hưởng đến ý thức dân tộc và phong trào dân chủ.

3.2. Phạm vi

- Về nội dung: Trong phạm vi đề tài này, Nghiên cứu sinh xác định tập trung nghiên cứu hoạt động in ấn, xuất bản, phát hành (sau đây gọi chung là “xuất bản”) đối với các loại ấn phẩm chính là sách, báo, tạp chí; trong đó tập trung nghiên cứu các ấn phẩm chữ quốc ngữ và chữ Pháp.

- Về không gian: Sau năm 1861, trên địa bàn tỉnh Gia Định, thực dân Pháp thành lập tuần tự các đơn vị hành chính khác nhau và nhiều lần điều chỉnh. Trên không gian rộng lớn đó, hoạt động xuất bản diễn ra và tạo ảnh hưởng chủ yếu ở các vùng đô thị, do đó, phạm vi không gian nghiên cứu “Sài Gòn-Chợ Lớn” trong luận án được hiểu là khu vực hành chính thuộc địa bàn của hai thành phố Sài Gòn và thành phố Chợ Lớn.

- Về thời gian: đề tài nghiên cứu trong phạm vi thời gian từ năm 1861 đến năm 1939.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Đề tài này được xây dựng dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa Marx – Lenin, cụ thể là vận dụng phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu từ góc độ Sử học, Nghiên cứu sinh vận dụng chủ yếu hai phương pháp nghiên cứu cơ bản của khoa học Lịch sử, đó là phương pháp lịch sử và phương pháp logic:

- Phương pháp lịch sử nghiên cứu và trình bày các hoạt động xuất bản ở Sài Gòn qua các giai đoạn và giai đoạn cụ thể, gắn với bối cảnh tình hình chính trị - xã hội; làm rõ các sự kiện và vấn đề lịch sử một cách khách quan, trung thực, trên cơ sở so sánh, xác minh, đối chiếu tư liệu; nhìn nhận sự kiện trong mối liên hệ sâu chuỗi, theo diễn trình lịch sử.

- Kết hợp phương pháp logic với phương pháp lịch sử, đề tài lý giải, đánh giá và đúc kết làm rõ những động cơ, mục đích, mối quan hệ cũng như những tác động hệ quả của những sự kiện, hoạt động đó trong mối quan hệ toàn diện, khách quan và biện chứng.

Bên cạnh đó, Nghiên cứu sinh cũng chú trọng tiếp cận liên ngành (còn gọi là phương pháp sử học đa khoa học), sử dụng một số kết quả và thao tác nghiên cứu của một số ngành khoa học khác để làm rõ các khía cạnh của hoạt động xuất bản ở Sài Gòn-Chợ Lớn giai đoạn 1861-1939.

5. Đóng góp mới của luận án

5.1. Đóng góp khoa học

Nghiên cứu hoạt động xuất bản ở Sài Gòn - Chợ Lớn (1861-1939) tái hiện một phần quan trọng của đời sống chính trị - văn hóa - xã hội dưới thời Pháp thuộc, góp phần phục dựng diện mạo xã hội Nam Kỳ trong giai đoạn này. Đồng thời, nghiên cứu liên hệ hoạt động xuất bản với các phong trào dân tộc - dân chủ, làm rõ vai trò của xuất bản trong các phong trào yêu nước kháng Pháp trước chiến tranh thế giới thứ hai.

5.2. Đóng góp thực tiễn

Góp thêm tài liệu nghiên cứu, học tập, giáo dục trong các trường học, cơ sở đào tạo; góp phần tạo cơ sở khoa học cho việc hoạch định, định hướng chính sách của các cơ quan nhà nước về phát triển văn hóa nói chung, xuất bản phẩm, báo chí nói riêng.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án bao gồm 4 chương nội dung:

Chương 1: Tổng quan lịch sử nghiên cứu đề tài

Chương 2: Hoạt động xuất bản ở Sài Gòn-Chợ Lớn giai đoạn 1861-1913

Chương 3: Hoạt động xuất bản ở Sài Gòn-Chợ Lớn giai đoạn 1914-1939

Chương 4: Đặc điểm và vai trò của hoạt động xuất bản ở Sài Gòn-Chợ Lớn (1861-1939)

Chương 1

TỔNG QUAN LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

1.1. Các nghiên cứu trong nước

1.1.1. Các nghiên cứu chung về Sài Gòn – Chợ Lớn thời Pháp thuộc có đề cập đến hoạt động xuất bản

Học giả Vương Hồng Sển (1902-1996) là người tiên phong trong nghiên cứu về báo chí, xuất bản, và văn chương tại Sài Gòn - Chợ Lớn, với các tác phẩm tiêu biểu như *Sài Gòn năm xưa*, *Thú chơi sách*, và *Sài Gòn tạp pín lù*, cung cấp nhiều tư liệu quý về đời sống văn hóa ở Nam Kỳ. Nhà nghiên cứu Sơn Nam (1926-2008) cũng nổi bật với các tác phẩm như *Nói về miền Nam* và *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, đem lại góc nhìn sâu sắc về văn hóa và lịch sử Nam Bộ. Bộ sách *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh* (1987-1990) của Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng, và Nguyễn Công Bình là một nghiên cứu toàn diện về lịch sử và văn hóa Sài Gòn, đặc biệt về hoạt động in ấn và xuất bản từ năm 1862 đến 1944. Cuốn *Lịch sử xuất bản sách Việt Nam* (1996) do Giáo sư Đỗ Quang Hưng chủ biên đã trình bày sự phát triển của xuất bản trước năm 1945, bao gồm giai đoạn Pháp thuộc và các hoạt động xuất bản cách mạng. Nguyễn Đức Hiệp, trong giai đoạn từ 2016 đến 2019, với các tác phẩm như *Sài Gòn - Chợ Lớn qua những tư liệu quý trước 1945* và *Sài Gòn - Chợ Lớn, thể thao và báo chí trước 1945*, đã cung cấp cái nhìn toàn diện về hoạt động xuất bản, văn hóa và chính trị của Sài Gòn trước năm 1945. Tác giả Nguyễn Đình Tư trong *Gia Định – Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh: dặm dài lịch sử* (2022) phác họa chi tiết về văn hóa, báo chí và xuất bản tại Sài Gòn từ năm 1698 đến 2020.

1.1.2. Các nghiên cứu có đối tượng trực tiếp là hoạt động xuất bản

Tác giả Nguyễn Thị Trúc Bạch đã nghiên cứu vai trò của xuất bản trong việc phát triển chữ quốc ngữ, báo chí và văn học ở Nam bộ cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX (Tạp chí Khoa học Xã hội, số 11 (279), 2021, tr.69-77). Về ngành in ấn và xuất bản tại Nam Kỳ, Nguyễn Đức Hiệp có hai bài viết quan trọng trên tạp chí Xưa và Nay: “Sự hình thành các nhà in, nhà sách và thư xã ở Sài Gòn và Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX” (số 550, tháng 4/2023) và “Phong trào Duy tân và sách duy tân xuất bản ở Sài Gòn đầu thế kỷ 20” (số 552, tháng 6/2023), trình bày sự ra đời của các nhà in tư nhân như Claude & Cie, Commerciale, Phát Toán. Bên cạnh đó, bài “Nguyễn Văn Viết: Đại gia ngành in Sài Gòn xưa” của Phạm Công Luận đăng trên Người đô thị online (17/6/2017) và bài “Xuất bản ở Nam bộ giai đoạn cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX” của Cổ Mộ trên Doanh nhân cuối tuần (2/6/2021) đã khái quát hoạt động xuất bản thông qua các tờ báo, ấn phẩm và các nhà in tiêu biểu như C. Guillaud et Martion, imprimerie Commerciale Rex, Rey et Curisol, Nouvelle, Albert Portail, Nguyễn Văn Cửa, Phát Toán, Nguyễn Văn Viết. Năm 2023, Trần Đình Ba xuất bản cuốn “Những con chữ ngoài trang sách” (Nhà

xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh), tổng hợp các bài viết về in ấn, dịch thuật, sáng tác, quảng cáo và hình ảnh các nhân vật báo chí – văn chương từ nửa cuối thế kỷ XIX đến 1945. Năm 2024, Trịnh Hùng Cường cho ra đời “Lần theo dấu chữ - Thời kỳ đầu in ấn sách báo chữ La tinh ở Việt Nam (1862-1920)” (Nhà xuất bản Thông tấn, Hà Nội, 2024) với bốn phần, trong đó Phần 1 và 2 đề cập đến lịch sử in ấn thời đầu thuộc địa và hoạt động in ấn ở Nam Kỳ, khẳng định nghiên cứu mới về sự hình thành và phát triển ngành in hiện đại tại Việt Nam.

1.1.3. Các nghiên cứu đề cập đến hoạt động xuất bản báo chí

Nghiên cứu về lịch sử báo chí Sài Gòn – Chợ Lớn dưới thời Pháp thuộc đã được nhiều tác giả khai thác sâu sắc. Diệp Văn Kỳ, trong “Chế độ báo giới Nam Kỳ năm mươi sáu năm nay” (1938), là người đầu tiên đề cập đến cơ chế kiểm soát báo chí thời đó. Các công trình của Giáo sư Lê Ngọc Trụ như “Một trăm năm báo chí Việt Nam” (1965) và “Mục lục báo chí Việt ngữ trong 100 năm” (1966) xây dựng nền tảng cho nghiên cứu báo chí Việt Nam. Huỳnh Văn Tông với “Lịch sử báo chí Việt Nam” (1973) phân chia quá trình phát triển báo chí trong các giai đoạn khác nhau dưới sự thống trị của thực dân Pháp. Các tác phẩm như “Lược sử báo chí Việt Nam” của Nguyễn Việt Chúc (1974), “Lịch sử báo chí Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh” của Nguyễn Công Khanh (2006), và nghiên cứu của Phan Đăng Thanh – Trương Thị Hòa về các chế độ báo chí (2017) làm rõ các quy định và sự phát triển của báo chí dưới sự kiểm soát chặt chẽ của thực dân. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu của Trần Nhật Vy với các công trình về báo chí Sài Gòn đầu thế kỷ đã điểm lại sự hình thành báo chí quốc ngữ. Những nghiên cứu chuyên sâu về các tờ báo tiêu biểu như “Phụ Nữ Tân Văn” (2010), “Gia Định báo” (2017) và “Nam Kỳ qua Tân Văn Tuần báo” (2024) đã mở rộng thêm bức tranh về báo chí Nam Kỳ khi đó. Mỗi nghiên cứu một góc nhìn, tất cả đều góp phần làm sáng rõ hơn hoạt động báo chí và xuất bản trong bối cảnh lịch sử đó, nhưng hoạt động in ấn và phát hành vẫn chưa được chú trọng đầy đủ.

1.1.4. Các nghiên cứu đề cập đến hoạt động xuất bản văn học

Lịch sử văn học Việt Nam thời Pháp thuộc có nhiều công trình đáng chú ý, tiêu biểu như *Lịch trình tiến hóa sách báo quốc ngữ* (1942) của Nguyễn Khánh Đàm, *Lịch sử văn học Công giáo* (1965) của Võ Long Tế, và *Việt Nam tân học sử giản lược tân biên* (1965) của Phạm Thế Ngũ. Vũ Hân, Bùi Đức Tịnh, Dương Quảng Hàm, và Nghiêm Toàn cũng có các công trình về lịch sử văn học giai đoạn này. Đáng kể là các nghiên cứu như *Văn học Công giáo Việt Nam những chặng đường* (2010) của Lê Đình Bảng, *130 năm thăng trầm chữ Quốc ngữ* (2013) của Trần Nhật Vy, và *Diện mạo văn học Việt Nam Pháp ngữ* (2015) của Nguyễn Công Lý và Phạm Văn Quang. Các công trình này khái quát về đời sống văn học Việt Nam thời Pháp thuộc, đặc biệt nhấn mạnh vai trò

của chữ Quốc ngữ và sự hình thành văn chương Quốc ngữ trong nửa sau thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Đối với Nam Kỳ và Sài Gòn-Chợ Lớn, có thể kể đến các công trình nghiên cứu tiêu biểu như *Văn học Nam bộ từ đầu đến giữa thế kỷ XX* (1988) của Hoài Anh, Hồ Sĩ Hiệp, Thành Nguyên, *Văn học Quốc ngữ ở Nam Kỳ 1865-1930* (1992) của Bằng Giang, *Hồ sơ về lục châu học* (2014) của Nguyễn Văn Trung, và *Văn chương phương Nam* (2016) của Võ Văn Nhơn và Nguyễn Thị Phương Thúy. Các tác phẩm trên đã đóng góp nhiều vào việc nghiên cứu lịch sử văn học Nam Bộ, đặc biệt trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX. Các công trình trên đây mặc dù có đề cập đến một số khía cạnh liên quan đến hoạt động xuất bản, phát hành, song do tiếp cận nghiên cứu dưới góc nhìn của văn học sử, văn hoá học và khác biệt về đối tượng nghiên cứu (tác gia, tác phẩm, loại hình...), nên không đi sâu giải quyết những vấn đề khoa học của Luận án này.

1.2. Các nghiên cứu ở nước ngoài

1.2.1. Các nghiên cứu về Nam Kỳ, Sài Gòn - Chợ Lớn thời Pháp thuộc có đề cập đến hoạt động xuất bản

David George Marr, sử gia người Mỹ, có các công trình nghiên cứu nổi bật như “Vietnamese Anticolonialism, 1885 - 1925” (1971) và “Vietnamese Tradition on Trial, 1920 - 1955” (1981), phản ánh đời sống chính trị và sự đấu tranh chống Pháp của các khuynh hướng yêu nước. Daniel Hémery nghiên cứu về cuộc đấu tranh của các nhà cách mạng Việt Nam trong “Révolutionnaires Vietnamiens et pouvoir colonial en Indochine” (1975) trong giai đoạn 1932-1937. Trịnh Văn Thảo trong tác phẩm “Le Vietnam: Du confucianisme au communisme” (1990, 2007) nghiên cứu mối quan hệ và chuyển biến tư tưởng Việt Nam giữa thế kỷ XIX và XX thông qua các nhóm trí thức. Hồ Tài Huệ Tâm cũng có các nghiên cứu về lịch sử chống thực dân, đặc biệt là “Vietnamese Anti-Colonialism, 1885-1925” (1983) và “Radicalism and the Origins of the Vietnamese Revolution” (1992). Brocheux Pierre và Daniel Hémery trong “Indochine: la colonisation ambiguë 1858-1954” (1994) nghiên cứu lịch sử thực dân Pháp tại Đông Dương từ 1858-1954.

1.2.2. Các nghiên cứu về hoạt động báo chí, in ấn xuất bản ở Sài Gòn - Chợ Lớn

Những nghiên cứu nước ngoài đã làm sáng tỏ nhiều khía cạnh của hoạt động xuất bản ở Sài Gòn – Chợ Lớn dưới thời Pháp thuộc. Tác phẩm “Publications officielles de l'Indochine coloniale: inventaire analytique (1859-1954)” của Denis Gazquez (với Agathe Larcher – Goscha, 2004) khai thác khối lượng tài liệu đa dạng liên quan đến hành chính, kinh tế, an ninh và khoa học ở Đông Dương. Về mặt in ấn, “Printing, Power, and the Transformation of Vietnamese Culture, 1920 - 1945” của Shawn Frederick McHale (Cornell University, 1995) cho thấy ảnh hưởng của công nghệ in máy hiện đại đến sự phát triển ngôn ngữ, văn học, tôn giáo và chính trị, đồng thời McHale tái khẳng định các quan điểm trong “Print and Power: Confucianism,

Communism, and Buddhism in the Making of Modern Vietnam” (University of Hawaii Press, 2003). Luận án tiến sĩ của Lê Thu Hằng tại Đại học Versailles (2010) với đề tài “Transferts culturels et contrôle de l’imprimé pendant la colonisation française au Việt Nam: (1862-1945)” tập trung nghiên cứu hoạt động in ấn thời Pháp thuộc. Bên cạnh đó, “The Birth of Vietnamese Political Journalism: Saigon, 1916-1930” của Philippe M. F. Peycam (Columbia University Press, 2012) khắc họa phong trào báo chí sôi nổi, “Histoire de l’écriture romanisée du vietnamien (1615-1919)” của Phạm Thị Kiều Ly (Les Indes Savantes, 2022) nghiên cứu sự hình thành chữ quốc ngữ, và luận án “L’enseignement au Vietnam pendant la période coloniale, 1862-1945: la formation des intellectuels vietnamiens” của Lê Xuân Phán (Université Lumière Lyon 2, 2018) phân tích biến đổi hệ thống giáo dục. Cuối cùng, bài “Date with the Wrecking Ball – Former Imprimerie de l’Union Building, 49-57 Nguyen Du, c 1920” của Tim Doling (2014) cung cấp thông tin về Nguyễn Văn Cừ và di sản in ấn tại Sài Gòn – Chợ Lớn.

1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

1.3.1 Những kết quả nghiên cứu đạt được mà luận án có thể kế thừa

Các công trình nghiên cứu trước đây không chỉ cung cấp nguồn tư liệu quý báu mà còn tạo nền tảng lý luận cho đề tài. Chúng giúp nhận diện bối cảnh lịch sử của Nam Kỳ, vai trò trung tâm của Sài Gòn – Chợ Lớn, và phản ánh chính sách khai thác thuộc địa của Pháp qua các giai đoạn khác nhau. Đồng thời, các nghiên cứu này khắc họa chi tiết hoạt động báo chí, văn học – nghệ thuật, qua đó làm rõ mối liên hệ giữa báo chí, văn hóa và các phong trào dân tộc – dân chủ, mở đường cho những nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động xuất bản.

1.3.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Nghiên cứu hoạt động xuất bản tại Sài Gòn – Chợ Lớn trong giai đoạn 1861-1939 đòi hỏi làm rõ nhiều yếu tố chính trị – xã hội tác động đến lĩnh vực này. Thứ nhất, cần phân tích bối cảnh chính trị của sự cai trị thuộc địa Pháp và các biến động xã hội, văn hóa, kinh tế ở Nam Kỳ. Thứ hai, nghiên cứu các chính sách của thực dân Pháp đối với xuất bản, bao gồm kiểm soát in ấn, cấp phép và kiểm duyệt, và đánh giá hiệu quả của các biện pháp này. Thứ ba, cần xác định các chủ thể tham gia hoạt động xuất bản như nhà xuất bản, nhà báo, và các nhóm xã hội, cùng những tác động của họ đối với xã hội. Thứ tư, nghiên cứu chi tiết chu trình xuất bản và so sánh với các khu vực khác trong Đông Dương. Cuối cùng, phân tích đặc điểm và vai trò của hoạt động xuất bản đối với đời sống văn hóa, chính trị, và xã hội, nhìn nhận qua các nhóm quyền lực và phong trào dân tộc, dân chủ.

Chương 2

HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN Ở SÀI GÒN – CHỢ LỚN GIAI ĐOẠN 1861-1913

2.1. Pháp xâm lược Việt Nam và chính sách thực dân trong buổi đầu cai trị ở Nam Kỳ

gày 1/9/1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha do Đô đốc Rigault de Genouilly tấn công Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam, tiếp theo là sự thất thủ của Gia Định vào 2/2/1859. Hòa ước Nhâm Tuất ký ngày 5/6/1862 buộc triều đình Huế nhượng ba tỉnh (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường) và đảo Côn Lôn cho Pháp, mở đường cho chế độ cai trị trực tiếp tại Nam Kỳ. Người Pháp chuyển từ chế độ võ quan sang dân sự từ năm 1879, thành lập Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ (1880) và tuyên bố Sài Gòn là thủ phủ toàn Đông Dương (12/11/1887). Để củng cố quyền lực, thực dân ban hành các nghị định bắt buộc sử dụng chữ quốc ngữ trong văn bản chính thức, đồng thời thiết lập hệ thống giáo dục mới (ví dụ: Trường Thông ngôn) nhằm đào tạo tầng lớp trung thành. Về kinh tế, chính sách thuộc địa thay đổi cơ cấu sở hữu đất đai, áp dụng thuế mới, thúc đẩy thương mại ở Sài Gòn – Chợ Lớn nhưng lại gây ra bất bình đẳng xã hội và khó khăn cho người dân, đồng thời hình thành lực lượng công nhân đầu tiên. Qua đó, Pháp áp dụng mô hình cai trị “tiếp cận kép” – kết hợp trực trị và đồng hóa – dù luôn gặp phản kháng mạnh mẽ từ các tầng lớp địa phương, tạo nên “sắc thái Pháp hóa” đặc trưng cho Nam Kỳ.

2.2. Chính sách của chính quyền thực dân Pháp đối với hoạt động xuất bản

Trong giai đoạn đầu sau khi Pháp chiếm Nam Kỳ (1862), chính quyền thực dân chưa có văn bản pháp quy cụ thể quản lý xuất bản mặc dù đã mang máy in và cho xuất bản các tờ công báo. Theo luật Pháp, trước 1870 nhà nước giữ độc quyền xuất bản, nhưng từ 1870 Napoléon III ban hành sắc lệnh công nhận tự do in ấn, điều này được áp dụng tùy theo tư cách “công dân” của người Nam Kỳ sau sắc lệnh ngày 25/5/1881. Năm 1881, Luật Tự do báo chí (70 điều) được áp dụng ở Nam Kỳ, cho phép tự do in ấn và bán sách báo nếu tuân thủ các quy định về khai báo thông tin và quản lý phải là người Pháp. Tuy nhiên, trên thực tế, do rào cản ngôn ngữ và sự quản lý của người Pháp, tự do báo chí chỉ thực sự dành cho báo tiếng Pháp, trong khi báo quốc ngữ phải xin phép. Sau đó, sắc lệnh ngày 30/12/1898 (có hiệu lực từ 1899) buộc các ấn phẩm không bằng tiếng Pháp phải được cho phép trước của quan Toàn quyền, nhằm hạn chế tự do ngôn luận và củng cố quyền lực thuộc địa. Các quy định này phản ánh sự điều chỉnh của chính sách xuất bản trong bối cảnh cai trị, đồng thời nêu bật những xung đột lợi ích giữa thực dân và phong trào phản kháng.

2.3. Sự du nhập kỹ thuật in ấn hiện đại phương Tây

Trước thời Pháp xâm lược, kỹ thuật in ấn ở Việt Nam được tiếp thu từ Trung Quốc, phát triển qua các triều đại Lý – Trần – Lê, với truyền thống in chép tay và khắc in thủ công. Sự ra đời của kỹ thuật in hoạt bản của Gutenberg vào thế kỷ XV

tại Châu Âu đã cách mạng hóa ngành xuất bản, mở đường cho sự bùng nổ của báo chí và văn hóa tri thức. Tại Nam Kỳ, từ năm 1861, dưới sự chỉ đạo của chuẩn đô đốc Bonard, máy in hiện đại cùng trang thiết bị in ấn phương Tây được đưa đến, đánh dấu sự du nhập của công nghệ in chữ đúc (typographie). Quy trình in gồm các bước “sắp chữ” (composition), bố trí bản in, kiểm tra và điều chỉnh lỗi trước khi in hàng loạt, với sự tham gia của các thợ in người Pháp và người Việt phải thành thạo nhiều thứ chữ (quốc ngữ, Pháp ngữ, Hán – Nôm). Các bài viết của Thanh Tân (1926) và Trần Ngọc An (1927) cung cấp cái nhìn chi tiết về quy trình, từ đúc chữ cho đến việc vận hành máy in, bao gồm cả máy in quay tay và máy in chạy bằng hơi (sau này là máy in điện). Sự du nhập của công nghệ in ấn hiện đại đã mở ra một ngành nghề mới, góp phần làm phong phú nguồn tư liệu, thúc đẩy sự phát triển của xuất bản, giáo dục và báo chí, đồng thời tạo nền tảng cho sự chuyển giao tri thức trong xã hội Việt Nam hiện đại.

2.4. Sự ra đời của các nhà in

Ở Nam Kỳ, cho đến trước năm 1898, hoạt động xuất bản khá tự do vì chưa bị ràng buộc bởi quy định “xin phép trước”, mặc dù gặp hạn chế về kỹ thuật và bị quản lý theo kiểu quân sự, chủ yếu phổ biến trong lĩnh vực hành chính. Từ năm 1861, máy in phương Tây được đưa vào Nam Kỳ với việc thành lập Imprimerie Impériale (nhà in Hoàng gia) tại Sài Gòn – Chợ Lớn để in ấn văn bản hành chính của chính quyền thực dân. Đến năm 1870, khi nền Đế tam Cộng hoà được thành lập, nhà in này đổi tên thành Imprimerie Nationale, Imprimerie du Gouvernement và Imprimerie Coloniale, với cơ cấu tổ chức gồm giám đốc, phó, kế toán, chức việc sắp chữ và lao động nhật công. Song song, các giáo sĩ thừa sai cũng thành lập Imprimerie de la Mission (Nhà in Nhà chung) để in sách giáo lý, sau này phát triển thành Nhà in Tân Định, góp phần mở rộng sản xuất ấn phẩm phục vụ nhu cầu nội bộ.

Từ những năm 1870, sắc lệnh cho phép tự do kinh doanh in ấn đã thúc đẩy sự ra đời của các nhà in tư nhân, trong đó Nhà in Phát Toán do Đinh Thái Sơn thành lập năm 1879 là nhà in do người Việt làm chủ đầu tiên. Bên cạnh đó, còn xuất hiện nhiều hiệu sách, nhà in nhỏ do người Pháp làm chủ như Imprimerie commerciale C. Guillaud, Rey et Curiol, Nhà in Saigonnaise và Nhà in Schneider. Đến năm 1904, chính quyền thực dân buộc phải chuyển giao in ấn hành chính cho các nhà in tư nhân nhằm tiết kiệm ngân sách và nâng cao hiệu quả, mở đường cho sự phát triển mạnh mẽ của ngành xuất bản, báo chí và giáo dục tại Nam Kỳ.

2.5. Các loại hình ấn phẩm

2.5.1. Báo chí

Ngày 29/9/1861, sau khi chuẩn đô đốc Bonard đặt chân tới Gia Định, tờ công báo đầu tiên BOEC (Bulletin officiel de l'expédition française de la Cochinchine) được phát hành hàng tuần, nhằm truyền đạt các chính sách của chính quyền thực dân đến giới sĩ quan Pháp. Tuy nhiên, do in bằng tiếng Pháp và đối tượng độc giả

chủ yếu là người Pháp, hiệu quả tuyên truyền đối với người dân địa phương còn hạn chế. Để khắc phục điều này, chỉ một năm sau, năm 1862, tờ Bulletin des Communes (Công báo làng xã) bằng chữ Hán ra đời. Đến tháng 7/1863, chuẩn đô đốc Pierre-Paul de la Grandière đổi tên BOEC thành Bulletin officiel de la Cochinchine française; sau đó, đến năm 1881, tờ báo lại đổi tên thành Bulletin officiel de l’Cochinchine và từ năm 1888 được nhập vào Bulletin officiel de l’Indochine Française. Cùng với đó, từ ngày 01/01/1864, tờ Courier de Saigon được in tại nhà in Chính phủ, ban đầu trích đăng thông tin từ BOEC, sau này dần đổi tên thành Journal officiel de Cochinchine và cuối cùng là Journal officiel de l’Indochine.

Sau năm 1881, khi Luật tự do báo chí được áp dụng ở Nam Kỳ, số lượng báo Pháp ngữ tăng lên, nhưng phần lớn các tờ báo này không tồn tại lâu do thị trường độc giả hạn chế, chỉ phục vụ cho một nhóm người Âu khá nhỏ. Trong số các tờ báo nổi bật có L’Indépendant de Saigon, Saigon Républicain, L’Opinion và Le Moniteur des provinces.

Đáng chú ý, ngay từ đầu, chính quyền thực dân cũng đã có kế hoạch ra đời một tờ báo bằng chữ quốc ngữ. Sau khi Bonard đặt làm những con chữ tại Pháp, ngày 15/4/1865, số đầu tiên của Gia Định báo – tờ báo Việt ngữ đầu tiên – được xuất bản tại bộ phận thông ngôn của Nha Nội vụ Nam Kỳ. Ban đầu, Gia Định báo chỉ đơn thuần là bản dịch có chọn lọc từ BOEC, nhưng theo thời gian, tờ báo mở rộng nội dung, cung cấp cả thông tin hành chính và đời sống xã hội của Nam Kỳ.

Từ đầu thế kỷ XX, báo chí tại Nam Kỳ càng trở nên đa dạng với sự xuất hiện của các tờ báo như Nông Cổ Mín Đàm (tờ báo kinh tế đầu tiên, ra mắt năm 1901), Lục Tỉnh Tân Văn (tuần báo ra đời từ năm 1907 với chủ bút Trần Chánh Chiếu) và Nam Kỳ Địa Phận (tuần báo quốc ngữ của giáo hội Công giáo, từ năm 1908). Những ấn phẩm này không chỉ cung cấp thông tin đa dạng về chính trị, kinh tế, văn hóa mà còn đóng góp quan trọng vào việc cải thiện văn phong chữ quốc ngữ, góp phần định hình báo chí và văn học hiện đại Nam Kỳ.

2.5.2. Tạp chí, ấn phẩm khảo cứu

Từ năm 1861 đến 1913, nhiều tạp chí, niên giám, kỷ yếu và ấn phẩm khảo cứu xuất hiện ở Nam Kỳ, đóng vai trò quan trọng trong việc ghi chép và phản ánh thông tin kinh tế, chính trị, xã hội cũng như hành chính của thuộc địa. Ngay từ năm 1865, niên giám Annuaire de la Cochinchine française được xuất bản hàng năm, tổng hợp các số liệu quản trị và văn hóa của khu vực. Cùng năm đó, Thống đốc Pierre-Gustave Roze thành lập Ủy ban Canh nông và Kỹ nghệ Nam Kỳ, tổ chức họp phiên và ra đời tạp chí Bulletin du Comité agricole et industriel de la Cochinchine française (BCAIC) – ấn phẩm đầu tiên ghi nhận các biên bản họp, văn thư hành chính và nghiên cứu chuyên sâu về nông nghiệp, kỹ nghệ, kéo dài đến năm 1881.

Bên cạnh đó, các ấn phẩm kinh tế như Niên san Ngân sách thương cảng Sài Gòn và Tập san của Phòng Thương mại Sài Gòn được xuất bản từ năm 1869, đồng thời Văn phòng Giám đốc Nội vụ Nam Kỳ phát hành niên san Ngân sách địa phương từ năm 1875 đến 1944. Trong khoảng 1879-1890, tạp chí *Excursions et Reconnaissances* ghi lại những khảo sát địa phương bằng kỹ thuật in minh họa nổi bật, còn các biên bản Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ được in từ năm 1880 đến 1944. Năm 1883, Hội Nghiên cứu Đông Dương được thành lập, tiếp nối công trình nghiên cứu của Ủy ban và phát hành *Bulletin de la Société des Études Indochinoises* (BSEI), từ đó mở rộng nội dung từ nông nghiệp – kỹ nghệ sang lịch sử, văn hóa, khảo cổ và nghệ thuật. Song song, Hội nghiên cứu kinh tế Nam Kỳ xuất bản *Bulletin financier de l'Indochine* từ năm 1910. Đối với tạp chí quốc ngữ, từ năm 1888, Trương Vĩnh Ký cho ra đời tạp chí *Miscellanées* (sau đổi tên thành *Khảo thông loại sự*), chia nội dung thành văn chương bác học và văn chương dân gian, mặc dù do thiếu vốn nên sau một thời gian ngắn đã bị đình bản.

2.5.3. Sách

Cuối thế kỷ XIX, sách in ấn bằng chữ quốc ngữ bắt đầu trở thành phổ biến tại Sài Gòn - Chợ Lớn với sự đóng góp quan trọng của các trí thức như Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Trương Minh Ký. Trương Vĩnh Ký đã biên soạn hơn 30 đầu sách dạy chữ quốc ngữ trong khoảng thời gian từ 1867 đến 1894. Những cuốn sách giáo khoa như “*Manuel des écoles primaires*” (Giáo trình cho các trường tiểu học) xuất bản năm 1876 được xem là công trình giáo khoa đầu tiên chính thức giảng dạy chữ quốc ngữ tại các trường.

Ngoài sách dạy chữ, Trương Vĩnh Ký còn chú trọng vào việc dịch thuật các tác phẩm văn học cổ điển, đặc biệt là các tác phẩm từ chữ Nôm và chữ Hán sang chữ quốc ngữ, nhằm phục vụ việc duy trì và phát triển văn học Việt Nam. Huỳnh Tịnh Của, với cuốn “*Đại Nam quốc âm tự vị*” (1895-1896), đã cho ra đời quyển từ điển tiếng Việt đầu tiên, đóng góp in dấu ấn quan trọng vào việc định hình ngôn ngữ quốc ngữ. Các tác phẩm của ông, chủ yếu là chuyên ngữ từ văn học cổ điển Trung Quốc, có giá trị lớn trong việc phát triển vốn từ và thuật ngữ tiếng Việt.

Những nỗ lực của các trí thức như Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của không chỉ thúc đẩy việc sử dụng chữ quốc ngữ mà còn tạo điều kiện cho các thể loại văn xuôi quốc ngữ, như tiểu thuyết hiện đại. Năm 1887, “*Truyện Thầy Lazaro Phien*” của Nguyễn Trọng Quản ra đời, được coi là tiểu thuyết hiện đại đầu tiên bằng chữ quốc ngữ. Các tác phẩm sau đó, như tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh và Trương Minh Ký, đánh dấu sự chuyển biến mạnh mẽ sang một nền văn học hiện đại tại Nam Kỳ.

2.6. Việc phát hành và giá cả

Trong giai đoạn đầu của chế độ thuộc địa Pháp tại Nam Kỳ, hoạt động xuất bản và phát hành ấn phẩm gặp nhiều khó khăn do cơ sở hạ tầng yếu, trang thiết bị

in ấn hạn chế và hệ thống phân phối sơ khai, khiến sách báo chủ yếu lưu hành trong các trung tâm đô thị như Sài Gòn – Chợ Lớn. Hầu hết ấn phẩm được in bằng tiếng Pháp hoặc quốc ngữ, làm giảm khả năng tiếp cận của đại đa số dân chúng chưa quen với các ngôn ngữ này. Giá cả cao và thói quen đọc sách chưa phổ biến càng làm hạn chế thị trường tiêu thụ, khi chỉ có giới trí thức và tầng lớp tư sản mới nổi có khả năng tiếp cận. Tuy nhiên, nỗ lực của các nhà trí thức trong việc phổ biến chữ quốc ngữ đã góp phần mở rộng đối tượng độc giả và dần hình thành một thị trường báo chí – sách vở phát triển, phản ánh quá trình chuyển mình của xã hội thuộc địa.

Chương 3

HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN Ở SÀI GÒN – CHỢ LỚN GIAI ĐOẠN 1914-1939

3.1. Bối cảnh Nam Kỳ và Sài Gòn – Chợ Lớn

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chính quyền thực dân Pháp tại Đông Dương đã tiến hành điều chỉnh sâu rộng chính sách thuộc địa nhằm huy động nguồn lực phục hồi nước Pháp, đồng thời củng cố quyền lực cai trị. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929) được triển khai một cách đồng bộ, không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà còn trong quản lý hành chính, an ninh và giáo dục, tạo nên những biến chuyển mạnh mẽ trong đời sống kinh tế – chính trị và xã hội của Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, Sài Gòn – Chợ Lớn, trung tâm kinh tế chính trị của Nam Kỳ, đã chứng kiến quá trình đô thị hóa nhanh chóng và sự gia tăng dân số đáng kể. Sự phát triển của thương cảng Sài Gòn cùng với việc mở rộng hệ thống hành chính và giáo dục theo mô hình phương Tây đã tạo điều kiện cho sự hình thành của tầng lớp trí thức mới và mở rộng nhu cầu tiếp cận thông tin qua các ấn phẩm, báo chí và các kênh truyền thông. Các chính sách như “Pháp – Việt nhất gia” và “Pháp – Nam hợp tác” nhằm tạo dựng mối quan hệ thỏa thuận với một bộ phận người Việt có xu hướng “Tây hoá” đã mở ra cơ hội cho sự tham gia của người bản xứ vào các cơ quan quản lý, mặc dù vẫn dưới sự kiểm soát chặt chẽ của thực dân. Đồng thời, nhằm hạn chế phản kháng của tầng lớp “tinh hoa” bản xứ, thực dân Pháp tăng cường bộ máy an ninh, thành lập các cơ quan thu thập tin tình báo và củng cố hệ thống bưu chính, từ đó kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chống đối. Sự trỗi dậy của tầng lớp tư sản bản xứ, cùng với những nhà trí thức Tây học và nhóm người “métis”, đã góp phần định hình ý thức dân tộc hiện đại, mở đường cho các phong trào dân chủ trong bối cảnh xã hội phân hóa sâu sắc. Tuy nhiên, bên cạnh những cải cách và phát triển, cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 cũng làm bộc lộ rõ những lỗ hổng của hệ thống kinh tế thuộc địa, tác động tiêu cực đến đời sống của người dân và góp phần thúc đẩy các phong trào đấu tranh chống thực dân.

3.2. Những điều chỉnh trong chính sách của chính quyền thực dân Pháp đối với hoạt động xuất bản

Sau Thế chiến thứ nhất, chính quyền thực dân Pháp tại Đông Dương thực hiện các chính sách thuộc địa nhằm duy trì quyền lực và kiểm soát xã hội, trong đó chú trọng cải thiện thái độ của tầng lớp trí thức và giàu có. Chính phủ Pháp duy trì hệ thống kiểm duyệt chặt chẽ đối với xuất bản, đặc biệt là báo chí, với những biện pháp ngăn chặn các phong trào dân tộc. Tuy nhiên, dưới ảnh hưởng của Albert Sarraut từ cuối năm 1917, chữ quốc ngữ được chú trọng trong giáo dục, tạo điều kiện phát triển sách vở và báo chí bằng ngôn ngữ bản xứ. Từ năm 1930, việc kiểm duyệt báo chí có phần nới lỏng, nhưng chỉ trong thời gian ngắn nhờ nghị định 1938 của Thủ tướng Daladier cho phép xuất bản ấn phẩm tiếng bản địa không cần phép. Tuy vậy, sự kiểm soát vẫn duy trì chủ yếu để bảo vệ quyền lợi của thực dân và ngăn chặn các hành động chống đối.

3.3. Kỹ thuật in ấn

Từ cuối thế kỷ XIX, sự ra đời của máy in roto và máy in offset đã mở ra bước ngoặt quan trọng trong công nghệ in ấn toàn cầu. Máy in roto cho phép in liên tục trên các cuộn giấy dài, tăng năng suất, trong khi máy in offset—dù còn ít—đóng vai trò then chốt với chất lượng in cao và chi phí thấp. Đầu thế kỷ XX, công nghệ in màu, đặc biệt là offset màu, được cải tiến và phổ biến, giúp sách báo, tạp chí in ra hình ảnh sống động, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của độc giả. Tại Nam Kỳ, các nhà in đã tích cực đầu tư vào máy móc hiện đại. Nhà in Tân Định dưới sự cai quản của cha Paul Đoàn Quang Đạt (1926-1933) đã mua ba máy in chạy bằng điện (một hiệu Marinomi-Voirin và hai hiệu Capdevielle), góp phần nâng cao năng suất và chất lượng ấn phẩm. Song song với đó, kỹ thuật sắp chữ được cải tiến nhờ công nghệ linotype, dù phương pháp truyền thống vẫn được sử dụng phổ biến. Một mô tả từ báo Phụ Nữ Tân Văn (1930) cho thấy quy trình sản xuất in ấn gồm các bước kiểm tra, “sửa morasse”, vận hành máy in, và đóng thành tập qua các máy cắt hiện đại. Qua đó, diện mạo và quy trình in ấn tại Sài Gòn – Chợ Lớn được thể hiện rõ tính chuyên nghiệp và kỹ lưỡng trong từng công đoạn.

3.4. Các nhà in

Sau giải thể nhà in chính quyền năm 1904, hệ thống nhà in tư nhân tại Nam Kỳ có cơ hội phát triển mạnh mẽ với việc mở rộng cơ sở, đầu tư máy móc và sự ra đời của nhiều nhà in mới. Trong đó, Nhà in Tân Định là một điển hình tiêu biểu. Dù trải qua nhiều thay đổi về người đứng đầu – từ Cha Jean-François-Marie Génibrel, Cha Du, Cha Ròng, cho đến Cha Gabirrie Long, Cha Jean-Baptiste Nguyễn Bá Tông và cuối cùng là Cha Paul Đoàn Quang Đạt – nhưng nhà in này vẫn duy trì hoạt động ổn định, không chỉ phục vụ in ấn các ấn phẩm Công giáo mà còn mở rộng sang các loại sách vở khác. Dưới thời Cha Paul Đoàn Quang Đạt (1926-1933), chế độ làm việc được cải tổ: thay vì nuôi ăn, thợ in được trả lương và

làm theo giờ giấc cố định; đồng thời, nhà in được đầu tư thêm máy móc hiện đại như ba máy in lớn (hiệu Marinomi-Voirin và hai hiệu Capdevielle) cùng máy cắt chạy bằng điện, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm.

Bên cạnh đó, các nhà in do người Pháp điều hành tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong ngành xuất bản. Imprimerie-Librairie Commerciale, sau này đổi tên thành Société des Imprimeries et Librairies Indochinoises (S.I.L.I), từ năm 1915 đã tạo dựng danh tiếng với 32 máy móc hiện đại và từng là nơi xuất bản báo hàng ngày Saigon Républicain. Tuy nhiên, họ cũng phải đối mặt với những thách thức pháp lý và tác động của khủng hoảng kinh tế, dù cuối cùng vẫn tồn tại cho đến năm 1967. L’Imprimerie Moderne J. Testelin của ông Testelin, mặc dù chú trọng tuân thủ quy tắc kiểm duyệt, cũng gặp khó khăn về tài chính dẫn đến phá sản vào năm 1934 và chấm dứt hoạt động vào năm 1937.

Trong khi đó, Albert-Antonin Portail với Imprimerie Portail khẳng định vị thế của mình như một nhà in thân chính quyền, đạt được giải thưởng “Grand Prix” tại hội chợ Vincennes năm 1932 và phát hành các ấn phẩm quan trọng. Nhiều doanh nghiệp in ấn của người Việt cũng nổi lên, như Nhà in Phát Toán, Nhà in J. Viêt – Nguyễn Văn Viêt và Nhà in Đức Lưu Phương của ông Trương Văn Tuấn, dù phải đối mặt với các vấn đề lao động và cạnh tranh gay gắt. Đáng chú ý, Imprimerie de l’Union của Nguyễn Văn Cua, với đầu tư mạnh vào trang thiết bị hiện đại, đã trở thành địa chỉ uy tín trong xuất bản, in ấn cả tiếng Pháp lẫn tiếng Việt và góp phần phát hành các tác phẩm nghiên cứu, báo chí quan trọng.

Ngoài ra, còn có không ít doanh nghiệp in ấn nhỏ và các nhà in ở Chợ Lớn, như Man Sanh, Son Nham Chan cùng nhiều doanh nghiệp bản địa khác, tạo nên một bức tranh đa dạng về số lượng và chất lượng dịch vụ in ấn tại Sài Gòn – Chợ Lớn trong thập niên 1930.

3.5. Các “thư xã”

Trước những năm đầu thế kỷ XX, việc xuất bản chủ yếu do các nhà in tự đảm nhận, mặc dù số sách xuất bản đã khá nhiều. Sau Chiến tranh Thế giới thứ nhất, nhu cầu về tính chuyên môn hoá trong khâu biên tập và sự tham gia của các tác giả đã thúc đẩy sự ra đời của các “thư xã” – những nhà xuất bản độc lập riêng biệt với nhà in. Các thư xã không chỉ đảm nhiệm công việc in ấn mà còn thực hiện các hoạt động biên tập, xuất bản và phân phối sách với mục tiêu định hướng nội dung về chính trị, xã hội và văn hóa, nhằm khai sáng dân trí, nâng cao tinh thần yêu nước và thúc đẩy cải cách xã hội. Trong số các thư xã nổi bật, Tín Đức thư xã khẳng định sứ mệnh cung cấp những tiểu thuyết giá trị về tâm lý, phiêu lưu và luân lý với giá bán phải chăng, nhằm loại bỏ những tác phẩm “hư văn”. Minh Đức thư xã, do Nguyễn Háo Vĩnh sáng lập, tập trung xuất bản sách tri thức về chính trị, kinh tế và triết học, với mục tiêu “khai thông dân trí, chấn khởi dân tâm, trùng tu xã hội”. Bên cạnh đó, Tồn Việt thư xã và Cường Học thư xã cũng góp phần duy trì,

phát triển tinh thần dân tộc và kiến thức khoa học cho đại chúng. Sự xuất hiện của các thư xã đã đánh dấu bước chuyển mình của ngành xuất bản, từ hình thức in ấn kết hợp xuất bản ban đầu sang mô hình chuyên nghiệp, có định hướng nội dung rõ ràng, góp phần nâng cao dân trí và phát triển văn hóa – giáo dục trong xã hội.

3.6. Các loại hình ấn phẩm

3.6.1. Báo chí

Trong giai đoạn đầu thế kỷ XX, Sài Gòn – Chợ Lớn vẫn là trung tâm báo chí của Đông Dương với sự phát triển mạnh mẽ nhờ ba yếu tố then chốt: độc giả, lực lượng văn bút và hệ thống nhà in. Trước năm 1914, các ấn phẩm báo chí chủ yếu do nhà in đảm nhiệm, nhưng sau Thế chiến thứ nhất, điều kiện mở báo được cải thiện, tạo cơ hội cho người Việt tự làm chủ báo, đồng thời người Pháp cũng có thể giao lại quản lý cho người bản xứ. Số lượng báo in tại Nam Kỳ tăng dần theo các số liệu thống kê của Chính phủ Pháp, cho thấy sự bùng nổ của ngành báo chí, mặc dù nhiều tờ báo có tuổi thọ ngắn và thường bị đình bản.

Về nội dung, báo chí Sài Gòn – Chợ Lớn trải qua quá trình chuyển biến rõ nét từ công cụ tuyên truyền của chính quyền thực dân sang diễn đàn tranh luận chính trị công khai. Các tờ báo được phân thành ba nhóm chính: nhóm ủng hộ chính quyền thực dân, nhóm dân tộc tiến bộ và nhóm trung lập. Các tờ báo thân chính quyền như *La Tribune Indigène*, *L'Impartial* hay *Đông Pháp Thời Báo* tập trung giải thích và biện minh cho chế độ thuộc địa, đồng thời phản bác các ý kiến dân tộc giải phóng. Điển hình là *La Tribune Indigène* – tờ báo chính trị do người Việt làm chủ, với sự tham gia của Nguyễn Phú Khai và Bùi Quang Chiêu, đã góp phần đại diện quyền lợi người Việt và mở đường cho hợp tác giữa Pháp và Việt qua chương trình “Pháp-Việt đề huề”.

Ngược lại, các tờ báo dân tộc tiến bộ như *La Cloche fêlée* (sau này đổi tên thành *L'Annam*), *Jeune Annam*, *L'Écho Annamite* hay *Tân Thế Kỷ* đã khẳng định lập trường đấu tranh chống áp bức thực dân, tố cáo bất công và cổ vũ tinh thần độc lập, tự cường. Những tờ báo này thường do các trí thức và nhà báo yêu nước sáng lập, thể hiện quan điểm cách mạng thông qua các bài xã luận, phóng sự và tác phẩm văn học. Một số tờ báo khác như *Kỳ Lân báo* hay *Thần Chung* cũng góp phần khơi dậy ý thức cách mạng trong tầng lớp công nhân và giới trí thức.

Bên cạnh đó, các tờ báo trung lập như *L'Opinion* và *Công Luận* báo lại đóng vai trò đưa tin tức khách quan, mặc dù trong quá trình hoạt động, chúng cũng không tránh khỏi sự can thiệp của chính quyền thực dân và biến đổi về lập trường. Ngoài các tờ báo chính, nền báo chí Sài Gòn – Chợ Lớn còn phong phú với nhiều báo chuyên biệt: báo phụ nữ (*Nữ giới chung*, *Phụ Nữ Tân Văn*), báo kinh tế (*Nam Kỳ Kinh tế báo*), báo tôn giáo, báo thể thao và báo thiếu nhi. Những tờ báo này không chỉ đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhóm đối tượng khác nhau mà còn góp phần nâng cao dân trí, truyền bá tư tưởng đổi mới và khai sáng xã hội.

Nhìn chung, báo chí Sài Gòn – Chợ Lớn từ đầu thế kỷ XX cho thấy một bức tranh đa chiều về đời sống chính trị – xã hội của Nam Kỳ, phản ánh quá trình hiện đại hóa nhanh chóng của một xã hội đang dần chuyển mình, dù vẫn tồn tại nhiều hạn chế về trình độ dân trí. Sự đa dạng về nội dung, hình thức và lập trường chính trị của các tờ báo đã tạo nên một môi trường báo chí sôi động, góp phần định hình ý thức cộng đồng và tác động sâu rộng đến đời sống xã hội của vùng đất này.

3.6.2. Sách văn học – nghệ thuật

Sau Thế chiến thế giới thứ nhất, đời sống văn học – nghệ thuật ở Sài Gòn – Chợ Lớn chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các sự kiện quốc tế như Cách mạng tháng Mười Nga, sự ra đời của Quốc tế Cộng sản và phong trào đấu tranh của các dân tộc thuộc địa, kết hợp với hoạt động của các nhà yêu nước tiêu biểu như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc... Sự ảnh hưởng này thể hiện rõ qua việc liên tục ra đời các ấn phẩm văn học đa dạng thể loại: sáng tác, khảo cứu, dịch thuật và sưu tầm.

Trong lĩnh vực dịch thuật, các tác phẩm chuyển thể từ chữ Hán sang quốc ngữ chiếm tỷ lệ lớn, trong khi các bản dịch từ chữ Nôm và văn học Pháp lại giảm dần. Bên cạnh đó, sản xuất văn học sáng tác phát triển theo hai hướng rõ rệt: một mặt là các tác phẩm truyền thống theo tuồng hát, cải lương thu hút khán giả – điển hình như những tác phẩm in tại nhà in Xưa Nay, Đức Lưu Phương hay Thanh Thị Mậu; mặt khác là các tác phẩm hiện đại như truyện ngắn, tiểu thuyết đề cao giá trị đạo đức, nhân văn và tinh thần yêu nước. Một số tác phẩm hiện đại, dù bị kiểm duyệt, vẫn được đánh giá cao vì “ngòi bút là guơm, là súng” trong việc khích lệ lòng yêu nước của độc giả.

Văn hóa phương Tây đã tác động mạnh mẽ vào hệ thống tiểu thuyết Việt Nam. Ban đầu, các tác phẩm dịch từ La Fontaine, Victor Hugo hay Alexandre Dumas mở đường cho phong trào dịch thuật và phóng tác, qua đó hình thành nên tiểu thuyết hiện đại tại Nam Kỳ với sự góp mặt của các tác giả như Hồ Biểu Chánh, Lê Hoàng Mưu... Bên cạnh đó, thể loại tiểu thuyết lịch sử và xã hội phát triển, phản ánh những mâu thuẫn về bất bình đẳng xã hội và vai trò của con người trong cuộc đấu tranh. Đồng thời, giai đoạn “phục hưng” của hát bội và tuồng hát – nền tảng của nghệ thuật cải lương sau này – cũng được đẩy mạnh nhờ sự quan tâm của giới trí thức và tư sản.

Nhìn chung, đời sống văn học – nghệ thuật thời kỳ này thể hiện một quá trình chuyển mình đa dạng, từ truyền thống đến hiện đại, đồng thời phản ánh sự biến đổi của xã hội Nam Kỳ dưới tác động của cả văn hóa phương Tây và phong trào dân tộc.

3.6.3. Các loại hình ấn phẩm khác

Sau Thế chiến thế giới thứ nhất, các điều chỉnh trong chính sách giáo dục đã thúc đẩy việc biên soạn và in ấn sách giáo khoa phục vụ giảng dạy tại hệ thống trường Pháp-Việt. Nha Học chính Đông Pháp đã tiến hành nghiên cứu và biên soạn

toàn bộ sách giáo khoa cho bậc tiểu học, bao gồm các bộ sách như Luân lý giáo khoa, Tập đọc, Toán pháp, Cách trí, Địa dư, Sử ký, Pháp văn độc bản,... được xuất bản bằng chữ quốc ngữ. Đến cuối năm 1927, 25 đầu sách giáo khoa cho học sinh bản xứ đã được phát hành. Song song, Nha Học chính còn in ấn các tranh treo tường như bản đồ hành chính, địa hình, tranh ảnh về sản xuất nông nghiệp, nghề thủ công, động – thực vật và cung cấp dụng cụ thí nghiệm phục vụ giảng dạy trực quan. Việc in ấn các bộ sách này được thực hiện thông qua hình thức đấu thầu, trong đó các nhà in tại Bắc Kỳ thường giành chiến thắng so với các nhà in ở Sài Gòn, dẫn đến phần lớn tài liệu của chính phủ được in tại Hà Nội với điều khoản “cấm không ai được in lại”. Ngoài ra, từ sau năm 1917, khoảng 50 đầu sách giáo khoa với bốn thứ chữ chính (quốc ngữ, Campuchia, Lào, Rhadé) đã được xuất bản, với doanh số gần 5 triệu cuốn trong giai đoạn 1910-1915. Ở Sài Gòn, các tạp chí sư phạm như Sư phạm học khoa, ra mắt từ năm 1919, góp phần bổ túc kiến thức cho giáo viên tiểu học.

3.7. Việc phát hành và giá cả

Sau Thế chiến thứ nhất, số lượng sách báo tại Sài Gòn – Chợ Lớn tăng nhanh, cho thấy ngành in ấn và báo chí bùng nổ trong bối cảnh đô thị hóa. Một số tờ báo thu hút độc giả từ giới chủ tư sản, giáo viên, công chức và học sinh trường Pháp-Việt, dù số bản in mỗi ngày dao động từ vài nghìn đến hàng chục nghìn bản. Tuy nhiên, giá bán báo (0,15–0,25 piastres) và giá sách (0,50–0,75 piastres) cao so với thu nhập bình quân của người lao động (khoảng 1,2 piastres/ngày) đã tạo ra rào cản lớn, khiến phần đông dân nghèo khó tiếp cận trực tiếp với các ấn phẩm văn hóa – tri thức. Hệ thống bưu điện phát triển đã giúp sách báo lưu hành rộng rãi, nhưng số liệu độc giả vẫn khó xác định do thiếu hồ sơ kinh doanh và những trường hợp báo không đến tay người đặt. Ngoài ra, cạnh tranh không lành mạnh, như việc in lại báo mà không được phép, cũng phản ánh sự “phát đạt” của ngành in ấn thời kỳ này. Nhờ đó, dù báo chí, đặc biệt là báo quốc ngữ, đã trở thành công cụ phổ biến truyền tải thông điệp và ý thức cộng đồng, nhưng khoảng cách về khả năng tiếp cận giữa tầng lớp trung lưu và người lao động vẫn rất rõ rệt.

Chương 4

ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN Ở SÀI GÒN-CHỢ LỚN (1861-1939)

4.1. Đặc điểm hoạt động xuất bản ở Sài Gòn - Chợ Lớn thời thuộc địa (1861-1939)

4.1.1. Hoạt động xuất bản là một trong những biểu hiện đặc trưng của ảnh hưởng văn hóa phương Tây tại Nam Kỳ và trong cả nước

Từ khi Pháp chiếm đóng Việt Nam giữa thế kỷ XIX, mục tiêu của thực dân không chỉ là khai thác tài nguyên mà còn là xây dựng một mô hình thuộc địa tiên

tiền. Sài Gòn – Chợ Lớn được chọn làm trung tâm Nam Kỳ, là nơi đầu tiên tiếp nhận sâu sắc các giá trị văn hóa và tư tưởng phương Tây. Ngay sau khi hoàn thành chiếm đóng ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, người Pháp đã biến Sài Gòn thành đô thị kiểu mẫu với hạ tầng hiện đại, trong đó Imprimerie Impériale – nhà in đầu tiên của nhà nước, được thành lập vào cuối năm 1861, mở đầu cho ngành in ấn tại Đông Dương.

Trong quá trình thuộc địa hóa, hệ thống xuất bản tại Sài Gòn dần phát triển mạnh mẽ với sự ra đời của các nhà in của Nhà nước (như Imprimerie Impériale), của Giáo hội (như Nhà in Tân Định) và của tư nhân. Đặc biệt, sự tham gia của các ông chủ nhà in người Việt như Đinh Thái Sơn, Nguyễn Văn Viết, Nguyễn Văn Cửa, Nguyễn Hảo Vĩnh, Diệp Văn Kỳ đã tạo nên bước ngoặt quan trọng. Các nhà in tư nhân này không chỉ phục vụ nhu cầu của chính quyền mà còn đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người dân bản địa, đặc biệt là giới trí thức Tân học. Các ấn phẩm xuất bản tại Sài Gòn thể hiện rõ ảnh hưởng của văn hóa phương Tây, tạo nên sự giao thoa giữa truyền thống và hiện đại.

4.1.2. Sài Gòn - Chợ Lớn tiên phong trong hoạt động xuất bản ở Việt Nam thời Pháp thuộc

Sài Gòn - Chợ Lớn đóng vai trò trung tâm trong quá trình du nhập và phát triển công nghệ in ấn tại Việt Nam. Ngay từ năm 1861, nhà in Imprimerie Impériale được thành lập, đặt nền móng cho ngành in hiện đại. Từ cuối thế kỷ XIX, công nghệ in đá và sau đó là in offset giúp cải thiện chất lượng và mở rộng quy mô xuất bản. Cùng với đó, nhiều nhà in tư nhân của người Việt như Phát Toán, Nguyễn Văn Viết, Nguyễn Văn Cửa dần khẳng định vị thế, cạnh tranh với các cơ sở in ấn của người Pháp. Sài Gòn không chỉ là nơi đầu tiên tiếp nhận công nghệ in ấn hiện đại mà còn duy trì vị thế tiên phong trong cải tiến kỹ thuật và mở rộng hoạt động xuất bản. Hệ thống nhà in, toà soạn, tiệm sách phát triển mạnh mẽ, phục vụ nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Nhờ sự cởi mở và nhạy bén với cái mới, Sài Gòn - Chợ Lớn trở thành trung tâm văn hóa - xuất bản lớn nhất Đông Dương, góp phần thúc đẩy sự phát triển của báo chí, văn học và tư tưởng hiện đại tại Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX.

4.1.3. Hoạt động xuất bản có sự tham gia tích cực của giới phụ nữ

Cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX, sự phát triển của báo chí và xuất bản tại Sài Gòn - Chợ Lớn đã tạo điều kiện cho phụ nữ khẳng định vai trò trong lĩnh vực truyền thông và văn hóa. Đây không chỉ là dấu hiệu của sự thay đổi nhận thức xã hội về vị thế của phụ nữ mà còn phản ánh tinh thần đổi mới mạnh mẽ trong bối cảnh giao thoa Đông – Tây. Nữ Giới Chung (1918), tờ báo phụ nữ đầu tiên do Trương Nguyệt Anh làm chủ bút, là minh chứng tiêu biểu cho nỗ lực nâng cao vai trò nữ giới, dù bị đình bản chỉ sau năm tháng. Đến năm 1929, Phụ Nữ Tân Văn ra đời, trở thành diễn đàn sôi động về nữ quyền, giáo dục và văn hóa, thu hút nhiều cây bút nữ như Nguyễn Thị Kiêm, Vân Đài, Bà Tùng Long. Tờ Đàn Bà Mới

(1934) do Thụy An chủ trương, cũng góp phần thúc đẩy bình đẳng giới. Không chỉ viết báo, nhiều phụ nữ còn tham gia điều hành nhà in như Thanh Thị Mậu, Lê Thị Hạnh, chứng tỏ sự hiện diện mạnh mẽ của nữ giới trong hoạt động xuất bản. Sự tham gia này không chỉ tạo nên nền tảng vững chắc cho báo chí quốc ngữ mà còn góp phần hiện đại hóa xã hội Việt Nam thời kỳ thuộc địa.

4.1.4. Hoạt động xuất bản ở Sài Gòn - Chợ Lớn ít bị kiểm duyệt hơn so với Bắc Kỳ và Trung Kỳ

Là trung tâm kinh tế - chính trị lớn nhất Việt Nam thời thuộc địa, Sài Gòn - Chợ Lớn sớm trở thành nơi giao thoa mạnh mẽ giữa văn hóa bản địa và tư tưởng phương Tây. Với cơ chế cai trị trực trị, Nam Kỳ có không gian công khai rộng hơn so với Bắc Kỳ và Trung Kỳ, tạo điều kiện cho báo chí và xuất bản phát triển. Sự xuất hiện của tầng lớp tư sản bản địa, trí thức Tây học cùng nhu cầu tiếp cận tri thức đã thúc đẩy ngành xuất bản tại Sài Gòn - Chợ Lớn vươn lên mạnh mẽ, trở thành trung tâm báo chí lớn nhất Việt Nam.

Mặc dù chính quyền thực dân áp đặt kiểm duyệt chặt chẽ, nhưng nhờ sự linh hoạt và đấu tranh từ giới báo chí, nhiều ấn phẩm vẫn được lưu hành rộng rãi. Không gian báo chí tại Sài Gòn - Chợ Lớn trở thành nơi hội tụ của nhiều nhà báo, nhà văn, trí thức từ Bắc và Trung Kỳ, góp phần thúc đẩy phong trào dân chủ - dân tộc. Nhờ đó, thành phố này không chỉ đóng vai trò tiên phong trong lĩnh vực xuất bản mà còn là diễn đàn quan trọng cho sự lan tỏa tư tưởng cải cách, cổ vũ tinh thần dân tộc trong xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX.

4.1.5. Hoạt động xuất bản ở Sài Gòn - Chợ Lớn mang tính thương mại rõ rệt

Từ cuối thế kỷ XIX, Sài Gòn - Chợ Lớn nhanh chóng phát triển thành trung tâm xuất bản lớn nhất Nam Kỳ, nơi ngành in ấn và báo chí mang đậm tính thương mại. Không giống Bắc Kỳ và Trung Kỳ, nơi báo chí bị kiểm soát chặt chẽ và phần lớn phục vụ mục tiêu chính trị, xuất bản tại Sài Gòn - Chợ Lớn gắn liền với nhu cầu thị trường, đáp ứng thị hiếu đa dạng của độc giả. Nhờ sự phát triển kinh tế, đô thị hóa nhanh chóng và tầng lớp trung lưu ngày càng mở rộng, các ấn phẩm văn hóa như báo chí, tiểu thuyết, tạp chí và sách hướng dẫn kinh doanh được tiêu thụ mạnh mẽ.

Hoạt động xuất bản không chỉ phổ biến tri thức mà còn trở thành ngành kinh doanh có lợi nhuận cao. Các nhà in tư nhân cạnh tranh gay gắt, đầu tư vào những ấn phẩm có sức hút thương mại như tiểu thuyết feuilleton, truyện trinh thám, báo thời trang và sách giải trí. Báo chí không chỉ là kênh truyền thông mà còn đóng vai trò quảng cáo thương mại quan trọng. Nhờ chiến lược thị trường hiệu quả, ngành xuất bản tại Sài Gòn - Chợ Lớn không ngừng mở rộng, góp phần phổ cập tri thức và thúc đẩy văn hóa đọc trong xã hội thuộc địa đầu thế kỷ XX.

4.2. Vai trò của hoạt động xuất bản ở Sài Gòn - Chợ Lớn (1861-1939)

4.2.1. Hoạt động xuất bản góp phần thúc đẩy phát triển tầng lớp trí thức đô thị

Hoạt động xuất bản tại Sài Gòn - Chợ Lớn từ cuối thế kỷ XIX không chỉ giúp phổ biến tri thức mà còn thúc đẩy sự hình thành tầng lớp trí thức đô thị. Trong bối cảnh đô thị hóa và tiếp biến văn hóa phương Tây, sách báo đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng nhận thức xã hội, truyền bá tư tưởng cải cách và khuyến khích tư duy phản biện. Sự phát triển của hệ thống giáo dục thuộc địa dù hạn chế nhưng đã tạo ra một tầng lớp trí thức Tây học có nhu cầu tiếp cận tri thức mới, trong khi nhiều cá nhân ngoài hệ thống giáo dục chính quy cũng tự học qua các ấn phẩm xuất bản.

Báo chí trở thành diễn đàn cho các cuộc tranh luận về dân chủ, bình đẳng giới và các cải cách xã hội. Sự lan tỏa của sách vở không chỉ góp phần định hình thói quen đọc sách mà còn xây dựng một nền văn hóa đô thị hiện đại. Nhiều trí thức như Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh, Trương Vĩnh Ký đã tận dụng xuất bản để truyền bá tư tưởng tiến bộ. Qua đó, tầng lớp trí thức không chỉ tiếp thu tri thức hiện đại mà còn đóng vai trò quan trọng trong các phong trào dân chủ và xã hội đầu thế kỷ XX.

4.2.2. Hoạt động xuất bản là phương tiện quan trọng dẫn dắt công luận, góp phần thúc đẩy các phong trào dân tộc, dân chủ

Trong thời kỳ Pháp thuộc, Sài Gòn - Chợ Lớn không chỉ là trung tâm kinh tế mà còn là nơi diễn ra những hoạt động chính trị - xã hội sôi động, trong đó xuất bản đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá tư tưởng dân tộc và dân chủ. Báo chí, sách vở không chỉ phản ánh tình hình đất nước mà còn góp phần nâng cao nhận thức xã hội, thúc đẩy tinh thần đấu tranh của người Việt. Dù chính quyền thực dân áp dụng nhiều biện pháp kiểm duyệt, báo chí và xuất bản vẫn tìm cách tồn tại và phát triển, trở thành phương tiện cổ vũ các phong trào cải cách, chống áp bức và kêu gọi quyền tự do dân chủ.

Nhiều trí thức đã tận dụng xuất bản như một công cụ đấu tranh. Các tờ báo như Lục Tỉnh Tân Văn, Nông Cổ Mín Đàm, La Cloche Fêlée hay Đông Pháp Thời Báo lần lượt trở thành diễn đàn quan trọng, giúp định hướng dư luận và lan tỏa tư tưởng cải cách. Đặc biệt, từ thập niên 1920, báo chí trở thành vũ khí đấu tranh của các phong trào chính trị, từ Đảng Lập Hiến đến các nhóm cách mạng theo khuynh hướng Marxist. Các ký giả như Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường, Trần Huy Liệu đã dùng báo chí để thúc đẩy tinh thần dân tộc, cổ vũ tự do ngôn luận và kêu gọi cải cách xã hội.

Ngoài vai trò chính trị, báo chí còn thúc đẩy phong trào kinh tế, bảo vệ quyền lợi người Việt trong thương mại, và kêu gọi chấn hưng văn hóa. Xuất bản trở thành một công cụ quan trọng trong việc dẫn dắt công luận, góp phần định hình xã hội dân sự, làm tiền đề cho sự phát triển của phong trào đấu tranh dân tộc trong nửa đầu thế kỷ XX.

4.2.3. Hoạt động xuất bản là công cụ của chính quyền thực dân, nhằm củng cố quyền lực và kiểm soát dân chúng

Trong thời kỳ Pháp thuộc, xuất bản tại Sài Gòn - Chợ Lớn không chỉ là phương tiện truyền bá tri thức mà còn trở thành công cụ chính trị quan trọng trong chiến lược cai trị của chính quyền thực dân. Nếu như Bắc Kỳ và Trung Kỳ bị kiểm soát theo mô hình bảo hộ, thì Nam Kỳ – thuộc địa trực trị của Pháp – trở thành nơi thực dân sử dụng báo chí và xuất bản để định hướng dư luận, củng cố quyền lực và duy trì sự thống trị lâu dài.

Ngay từ cuối thế kỷ XIX, các ấn phẩm do chính quyền kiểm soát, như Gia Định Báo, đóng vai trò tuyên truyền về “sứ mệnh khai hóa” của Pháp, đồng thời hạn chế ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo và các phong trào dân tộc. Trong Thế chiến thứ nhất, chính quyền thúc đẩy các tờ báo như Nam Trung Nhật Báo, Đại Việt Tập Chí, La Tribune Indigène nhằm vận động sự ủng hộ của người Việt đối với nước Pháp. Tuy nhiên, chính sách kiểm soát báo chí của thực dân không phải lúc nào cũng đạt hiệu quả như mong muốn, khi các tờ báo phản biện như Nữ Giới Chung, La Cloche Fêlée liên tục bị trấn áp nhưng vẫn lan truyền tư tưởng tiến bộ, thúc đẩy phong trào yêu nước.

Bên cạnh báo chí, chính quyền thực dân cũng kiểm soát chặt chẽ sách giáo khoa và xuất bản văn chương. Chương trình giáo dục thuộc địa được thiết kế để loại bỏ ảnh hưởng của văn hóa truyền thống, trong khi sách vở mang tư tưởng phản kháng hoặc đề cao giá trị bản địa bị cấm lưu hành. Các tác phẩm văn học có nội dung phản ánh hiện thực xã hội hoặc phê phán chế độ thuộc địa đều chịu sự kiểm duyệt gắt gao.

4.2.4. Hoạt động xuất bản góp phần phổ biến tri thức khoa học - văn hoá - giáo dục

Hoạt động xuất bản từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX đóng vai trò quan trọng trong việc phổ biến tri thức và nâng cao dân trí, đặc biệt tại Sài Gòn - Chợ Lớn, trung tâm xuất bản lớn nhất Nam Kỳ. Sách báo không chỉ phục vụ giải trí hay chính trị mà còn giúp truyền bá khoa học, giáo dục và văn hóa đến nhiều tầng lớp xã hội. Nhờ hệ thống nhà in, thư xã và hiệu sách, tri thức dần được tiếp cận rộng rãi, góp phần hiện đại hóa xã hội Việt Nam.

Sự phát triển của chữ quốc ngữ, với tính phổ dụng cao hơn chữ Hán và chữ Nôm, giúp mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức. Dù ban đầu được thực dân Pháp thúc đẩy như một công cụ đồng hóa, chữ quốc ngữ dần trở thành phương tiện truyền bá tư tưởng dân tộc và cách tân xã hội. Xuất bản quốc ngữ không chỉ phá vỡ thế độc quyền tri thức của tầng lớp Nho sĩ mà còn góp phần định hình ý thức dân tộc, tạo nền tảng cho các phong trào cải cách. Bên cạnh báo chí và giáo dục, xuất bản văn học cũng góp phần định hướng tư duy. Từ Trương Vĩnh Ký, Nguyễn An Ninh đến các tờ báo như La Cloche Fêlée, hoạt động xuất bản đã truyền bá những tư tưởng

tiến bộ, khuyến khích người Việt nâng cao dân trí và xây dựng bản sắc riêng. Nhờ đó, xuất bản trở thành một lực lượng quan trọng trong tiến trình khai phóng và phát triển ý thức dân tộc.

4.2.5. Hoạt động xuất bản là một bộ phận của đời sống kinh tế đô thị

Hoạt động xuất bản tại Sài Gòn - Chợ Lớn thời Pháp thuộc không chỉ đóng vai trò truyền bá tri thức mà còn là một phần quan trọng trong đời sống kinh tế đô thị. Xuất bản vừa là sản phẩm của quá trình đô thị hóa, vừa góp phần thúc đẩy nền kinh tế thị trường, tạo ra một chuỗi cung ứng liên kết từ in ấn, phát hành đến tiêu thụ tri thức. Sự phát triển của hệ thống nhà in, hiệu sách và mạng lưới phân phối báo chí cho thấy xuất bản không vận hành độc lập mà là một mắt xích quan trọng trong hệ sinh thái kinh tế đô thị rộng lớn hơn. Nhu cầu về sách báo gia tăng đã thúc đẩy sự chuyên nghiệp hóa của ngành xuất bản, khi các nhà in và nhà xuất bản không chỉ phục vụ tầng lớp trí thức mà còn hướng đến nhiều đối tượng độc giả khác nhau. Từ những quầy báo vỉa hè đến các hiệu sách lớn, văn hóa tiêu dùng tri thức ngày càng phổ biến, giúp mở rộng phạm vi tiếp cận tri thức trong xã hội. Bên cạnh báo chí, sách quốc ngữ cũng trở thành một sản phẩm thương mại quan trọng, phản ánh sự vận hành của thị trường xuất bản theo cơ chế cạnh tranh. Việc các tờ báo sống bằng nguồn thu từ quảng cáo, bán báo và bảo trợ tài chính cho thấy xuất bản không chỉ mang ý nghĩa tri thức mà còn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ quy luật kinh tế. Nhờ vậy, ngành xuất bản tại Sài Gòn - Chợ Lớn đã không ngừng mở rộng, góp phần định hình diện mạo kinh tế đô thị trong thời kỳ thuộc địa.

KẾT LUẬN

Khi thực dân Pháp thiết lập nền cai trị tại Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX, họ xem truyền thông và đặc biệt là hoạt động xuất bản như công cụ thiết yếu để kiểm soát xã hội và tuyên truyền chính sách. Tuy nhiên, tại đô thị tiên phong Sài Gòn - Chợ Lớn, xuất bản không chỉ dừng lại ở chức năng tuyên truyền mà dần trở thành một không gian văn hóa - chính trị sôi động, nơi các luồng tư tưởng đối lập va chạm, phân biệt và thúc đẩy hiện đại hóa xã hội bản địa.

1. Trước thời Pháp thuộc, hoạt động xuất bản tại Việt Nam chủ yếu dưới hình thức mộc bản truyền thống. Sự du nhập công nghệ in ấn hiện đại của châu Âu cùng chính sách kiểm soát thông tin của Pháp đã chuyên nghiệp hóa hoạt động này tại Sài Gòn - Chợ Lớn. Ban đầu phục vụ việc truyền bá “sứ mệnh khai hóa”, các ấn phẩm tiếng Pháp không đủ hiệu quả do rào cản ngôn ngữ, buộc chính quyền phải mở cửa cho xuất bản chữ Quốc ngữ.

Các trí thức bản xứ như Pétrus Ký, Paulus Của và Trương Minh Ký đóng vai trò trung tâm trong việc phổ biến tri thức qua chữ Quốc ngữ. Nhờ họ, chữ viết này nhanh chóng trở thành phương tiện chính cho báo chí và xuất bản, góp phần nâng cao dân trí và lan tỏa tư tưởng mới trong dân chúng.

Báo chí quốc ngữ như *Gia Định báo*, *Nông Cổ Mìn Đàm* và *Lục Tinh Tân Văn* không chỉ thông tin thời sự mà còn đóng vai trò phản biện xã hội. *Nông Cổ Mìn Đàm* cổ vũ tinh thần cải cách, trong khi *Lục Tinh Tân Văn* là diễn đàn cho giới trí thức đề xuất quan điểm dân tộc. Sự kiện Trần Chánh Chiêu bị bắt cho thấy báo chí đã trở thành một lực lượng chính trị đáng chú ý. Đồng thời, tiểu thuyết nhiều kỳ và văn học dịch phổ biến rộng rãi, tạo tiền đề cho tư duy hiện đại và đặt nền móng cho các phong trào yêu nước.

2. Giai đoạn 1914–1939 chứng kiến sự bùng nổ của hoạt động xuất bản tại Sài Gòn - Chợ Lớn, bất chấp chính sách kiểm duyệt ngày càng tinh vi. Sự phát triển kỹ thuật in ấn (roto, offset, in màu) giúp nâng cao chất lượng và giảm chi phí, góp phần gia tăng số lượng ấn phẩm và đa dạng hóa nội dung.

Các *thư xã* – cơ sở xuất bản vừa in ấn vừa phân phối – phát triển mạnh trong thập niên 1920–1930, giúp ngành xuất bản vận hành theo chuỗi khép kín và thương mại hóa cao. Báo chí trở thành mặt trận tư tưởng, chia thành ba khuynh hướng: thân chính quyền, trung lập và tiến bộ. Dù bị đàn áp, báo chí tiến bộ vẫn lan tỏa tư tưởng dân chủ, yêu nước và phản biện xã hội thuộc địa.

Ngoài báo chí, văn học – nghệ thuật cũng góp phần phê phán bất công xã hội và lan truyền tinh thần phản kháng. Những tác phẩm phê phán chính quyền thực dân, xã hội suy đồi hay kêu gọi cải cách đạo đức đều để lại ảnh hưởng sâu sắc. Bên cạnh đó, sách giáo dục, tài liệu khoa học và sách dịch giúp phổ cập tri thức và thúc đẩy quá trình hiện đại hóa văn hóa – giáo dục tại Nam Kỳ.

Tuy nhiên, khủng hoảng kinh tế toàn cầu những năm 1930 khiến nhiều cơ sở xuất bản suy yếu. Để tồn tại, nhiều nhà in và toà soạn phải tái cấu trúc, tinh gọn hoạt động và hướng đến thị trường đại chúng.

3. Hoạt động xuất bản tại Sài Gòn - Chợ Lớn (1861–1939) không chỉ mang tính chất truyền thông mà còn đóng vai trò trong tiến trình hiện đại hóa xã hội thuộc địa. Với vị thế là trung tâm kinh tế - hành chính lớn nhất Nam Kỳ, Sài Gòn - Chợ Lớn quy tụ nhiều cơ quan hành chính, trường học và giới trí thức, tạo điều kiện cho xuất bản phát triển sớm, phong phú và đa chiều hơn so với Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Đặc biệt, nơi đây có môi trường văn hóa cởi mở hơn, cho phép xuất bản vượt khỏi chức năng tuyên truyền để trở thành công cụ phản biện và truyền bá tư tưởng tiến bộ. Việc phổ biến chữ Quốc ngữ và sự hiện diện của giới phụ nữ trong lĩnh vực báo chí như *Phụ Nữ Tân Văn*, *Đàn Bà Mới* phản ánh sự biến đổi trong nhận thức xã hội và vai trò của nữ giới trong đời sống đô thị.

Khác với miền Bắc, chính quyền trực trị tại Nam Kỳ kiểm soát báo chí bằng phương pháp linh hoạt hơn, tạo điều kiện cho xuất bản phát triển năng động, nhưng vẫn nằm trong khuôn khổ kiểm duyệt. Chính trong không gian kiểm soát lỏng lẻo

ấy, báo chí và xuất bản trở thành nơi tranh luận dân chủ, cổ vũ cải cách xã hội và hình thành không gian công luận hiện đại.

Ngoài vai trò chính trị – văn hóa, xuất bản tại Sài Gòn - Chợ Lớn còn là một ngành kinh tế quan trọng. Hoạt động xuất bản vận hành theo cơ chế thị trường, với mạng lưới nhà in, hiệu sách và phát hành rộng khắp. Các tờ báo cạnh tranh về nội dung và tài chính, thể hiện sự chuyển mình mạnh mẽ của nền công nghiệp xuất bản trong một xã hội đô thị hóa.

Xuất bản tại Sài Gòn - Chợ Lớn giai đoạn 1861–1939 là một hiện tượng phức hợp, vừa mang tính áp đặt của chính quyền thực dân, vừa thể hiện khả năng phản kháng và tự điều chỉnh của xã hội bản địa. Dưới tác động của quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa và giao thoa văn hóa, xuất bản trở thành công cụ truyền bá tri thức, khơi dậy tinh thần dân chủ và góp phần hình thành tầng lớp trí thức đô thị. Dù bị kiểm duyệt, hoạt động xuất bản vẫn không ngừng lan tỏa các tư tưởng tiến bộ, góp phần định hình một xã hội dân sự năng động và mở đường cho các phong trào cách mạng về sau.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Duong Thanh Thong (2022). Printing and publishing in Saigon - Cho Lon (1861-1913). *Social Sciences and Humanities* 2022, 59-69. VNUHCM Press. ISBN: 978-604-739-820-1.
2. Dương Thành Thông (2023). Bước đầu tìm hiểu một số nhà in ở Sài Gòn – Chợ Lớn vào nửa cuối thế kỷ XIX. *Nam Bộ Đất và Người (Tập XVII)*, 3-22. Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM. ISBN: 978-604-479-242-2.
3. Dương Thành Thông (2023). Hoạt động in ấn, xuất bản ở Sài Gòn – Chợ Lớn (1861-1913). *Phát triển Khoa học Công nghệ – Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 7(2), 2051-2062. <https://doi.org/10.32508/stdjssh.v7i2.858>
4. Duong Thanh Thong (2024). Printing and publishing in Saigon - Cho Lon, Vietnam: Catalysts of colonial social and cultural transformation. *Journal of Infrastructure, Policy and Development*, 8(11), 7173. <https://doi.org/10.24294/jipd.v8i11.7173>
5. Dương Thành Thông (2024). Một số nhà in, thư xã của người Việt ở Sài Gòn – Chợ Lớn (1914-1939). *Nam Bộ Đất và Người (Tập XVIII)*, 100-133. Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM. ISBN: 978-604-479-794-6
6. Dương Thành Thông (2024). Sự phát triển của in ấn và sách trong phong trào Khai sáng ở Châu Âu thế kỷ XVII-XIX. *Tư tưởng Khai sáng thế kỷ XVII-XVIII: giá trị lịch sử và triển vọng hiện nay (Kỷ yếu hội thảo khoa học)*. Nxb Khoa học Xã hội. ISBN: 978-604-364-295-7